TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂKTÔ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /2019/QĐST-HNGĐ	*ĐăkTô, ngày* 29 *tháng* 5 *năm* 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2019/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L - Sinh năm 1986,

- Bị đơn: Anh Hồ Ngọc T - Sinh năm 1985,

Cùng địa chỉ: Khối 4, thị trấn Đ , huyện C, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị L và anh Hồ Ngọc T .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**** Về quan hệ hôn nhân***: Chị Trần Thị L và anh Hồ Ngọc T thuận tình ly hôn.

**** Về con chung***: Có 01 con, tên Hồ Trần Nhã Uyên, sinh ngày 23/4/2009;. Giao con Hồ Trần Nhã Uyên cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng thành và tự lập được. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi

con. Anh T có quyền thăm con mà không ai được ngăn cản.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Án phí:* Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:**

Chị Trần Thị L và anh Hồ Ngọc T **mỗi ng□ời phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng.** Tổng số tiền án phí phải nộp là 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị L **tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí cho** anh T . **Đ□ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003562 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐăkTô.** Chị L được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum,
- VKSND huyện Đăk Tô
- Chi cục THADS huyện ĐăkTô,
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn,
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Chu Thị Châu